

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2022

V/v ly hôn giữa chị T
và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đức

2. Bà Phạm Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-6-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Đội 3, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1990

ĐKKHKT tại: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Số 228/16 Tổ 3 KP5a, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa: Chị T và anh B vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 27-4-2022, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13-01-2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam

Định. Sau thời gian kết hôn anh chị sống hạnh phúc được gần ba năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong mọi việc của gia đình vì vậy thường hay xảy ra cãi nhau dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng nên ngày 26/7/2017 chị chuyển ra ở riêng và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Từ thời điểm anh chị sống ly thân đến nay, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay chị Tình xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nên không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nữa. Vậy chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là các cháu là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19-09-2012 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 11-10-2014. Từ thời điểm anh chị sống ly thân thì cả 02 con được anh B nuôi dưỡng. Ly hôn chị đồng ý để anh B nuôi dưỡng cả 02 con. Anh B xác định có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nên chị không có ý kiến gì.

Về tài sản, công nợ và những nội dung khác liên quan: Chị và anh B không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 04-5-2022, anh Nguyễn Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giống với lời khai của chị T. Anh B xác định từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, anh và chị T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đến thời điểm này anh không còn tình cảm với chị T nữa, nay chị T xin ly hôn anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19-09-2012 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 11-10-2014. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân thì cả 02 con được anh nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Nay ly hôn anh nhận tiếp tục được nuôi con. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh vì hiện nay anh có sức khỏe, làm nghề kinh doanh đá lạnh, thu nhập trung bình là 30.000.000đ/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng cả 02 con.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các bản tự khai của cháu Nguyễn Bảo N và Nguyễn Bảo M đều xác định hiện nay các cháu đang được bố nuôi dưỡng tốt và bố mẹ ly hôn thì xin được ở cùng bố.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 24 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã M cung cấp như sau: Anh Nguyễn Ngọc B hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Anh B cùng các con làm ăn và sinh sống tại thành phố Biên Hòa nhưng vẫn thường xuyên đi về địa phương.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc B.

- + Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19-09-2012 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 11-10-2014 cho anh Nguyễn Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi các con cùng anh B.

- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định, do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 13-01-2012, như vậy hôn nhân của chị T và anh B là hợp pháp,

được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi chửi nhau nên dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần; anh chị đã sống ly thân từ tháng 7-2019 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị T và anh B không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã có thời gian sống ly thân từ tháng 7-2019 đến nay. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình giữa chị T và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Con chung của anh chị là các cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19-09-2012 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 11-10-2014, từ thời điểm anh chị sống ly thân thì cả 02 con đều được anh B nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ tháng 7-2019 đến nay cả 02 cháu N và M đều được anh B nuôi dưỡng tốt; anh B có sức khỏe, có công việc kinh doanh ổn định; mặt khác chị T cũng đồng ý để anh B nuôi dưỡng các con. Vì vậy giao cả 02 con cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con, của anh B, chị T và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị T và anh B đều xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc B.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19-09-2012 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 11-10-2014 cho anh Nguyễn Ngọc B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng anh Nguyễn Ngọc B.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Nguyễn Ngọc B.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001444 ngày 28-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị T đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hiến